# BẢNG PHÍ KHỐI 10 HỆ NĂNG KHIẾU
# NĂM HỌC 2026 - 2027

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | MỨC PHÍ (VNĐ) | QUY ĐỊNH THANH TOÁN |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Các khoản phí đầu năm** | | | |
| 1.1 | Phí xây dựng và phát triển trường | Năm | 3,000,000 | |
| 1.2 | Phí sử dụng ứng dụng nền tảng công nghệ | Năm | 2,000,000 | |
| 1.3 | Phí tài khoản Elsa | Năm | 1,200,000 | |
| 1.4 | Bảo hiểm | | | |
| a. | Bảo hiểm thân thể (Tự nguyện theo lựa chọn của PHHS) | Năm | 100,000 | |
| b. | Bảo hiểm y tế (Bắt buộc) | Năm | Theo quy định BHXH của Luật Bảo hiểm | |
| 1.5 | Đồng phục & Túi ngủ | Năm | Căn cứ vào giá nhà cung cấp vào đầu năm học | |
| 1.6 | Học phẩm, học liệu | Năm | | |
| **2** | **Các khoản phí theo tháng** | | | |
| 2.1 | Học phí | Tháng | 9,000,000 | |
| 2.2 | Bán trú | Tháng | 800,000 | |
| 2.3 | Tiền ăn (ăn trưa) | Ngày | 50,000 | |
| 2.4 | Xe bus (đưa đón từ thứ 2 đến thứ 6) | | | |
| a. | Tại nhà (hai chiều) | Tháng | 2,200,000 | |
| b. | Tại nhà (một chiều) | Tháng | 1,400,000 | |
| c. | Tại điểm (hai chiều) | Tháng | 1,600,000 | |
| d. | Tại điểm (một chiều) | Tháng | 1,000,000 | |

## QUY ĐỊNH VỀ CÁC HÌNH THỨC NỘP PHÍ VÀ THỜI GIAN HOÀN THÀNH PHÍ

a. Phụ huynh lựa chọn các hình thức nộp phí và thời gian hoàn thành như sau:

- Theo tháng: trước ngày mùng 5 hàng tháng
- Theo học kỳ: Kỳ I: Trước ngày 05/08 hàng năm | Kỳ II: trước ngày 05/01 hàng năm
- Theo năm: Trước ngày 10/08 hàng năm

b. Trường hợp nộp phí sau thời gian quy định đã được thông báo, phụ huynh sẽ phải đóng thêm tiền chậm nộp theo lãi suất 0,05%/ngày cho số tiền chưa thanh toán. Trường hợp chậm nộp quá 30 ngày, Nhà trường có quyền từ chối cung cấp các dịch vụ.

c. Các khoản phí đầu năm (phí xây dựng và phát triển trường, phí ứng dụng nền tảng công nghệ, tiền học phẩm học liệu,...): Nhà trường thu từ ngày 15/06 đến ngày 10/07 hàng năm.

d. Nhà trường thực hiện hoàn trả tiền ăn (đối với những ngày học sinh đăng ký nghỉ học đúng quy định) vào cuối mỗi học kỳ.

e. Trường hợp học sinh ngừng sử dụng dịch vụ đón trả bằng xe bus của trường, phụ huynh cần đăng ký tại Văn phòng trước ngày 20 tháng liền trước, phí dịch vụ xe bus được thu tròn tháng không phụ thuộc vào số ngày thực tế mà học sinh đi xe.

## QUY ĐỊNH VỀ MIỄN GIẢM

a. Phụ huynh nộp các khoản phí đầu năm và học phí cả năm trước ngày 10/08 hàng năm sẽ được hưởng mức học phí ưu đãi so với đóng từng tháng. Đối với năm học 2026-2027, mức ưu đãi được áp dụng 3.040.000 đồng/năm tính trên học phí

b. Gia đình có 2 con đăng ký đi xe bus của trường cả hai chiều đi - về
- Nếu 2 chiều tại điểm được giảm 10% cho con thứ 2
- Nếu 2 chiều tại nhà thì con thứ 2 được áp dụng mức phí 2 chiều tại điểm

c. Học sinh được nhận học bổng sẽ được xét duyệt theo quy định của Nhà trường, thông báo riêng theo từng thời điểm

d. Học sinh con Cán bộ giáo viên nhân viên được miễn giảm theo quy định riêng của Nhà trường

## QUY ĐỊNH VỀ XIN NGỪNG HỌC VÀ HOÀN TRẢ PHÍ

a. Đối với các khoản phí thu đầu năm (phí xây dựng và phát triển trường, phí ứng dụng nền tảng công nghệ, tiền học phẩm học liệu,...):
+ Không thu các khoản phí đầu năm đối với học sinh hoàn tất hồ sơ thủ tục xin chuyển trường theo quy định trước ngày 15/06 hàng năm.
+ Thu 100% các khoản phí đầu năm đối với học sinh hoàn tất hồ sơ thủ tục xin chuyển trường theo quy định từ ngày 15/06 hàng năm.
- Phụ huynh có trách nhiệm điền đầy đủ thông tin vào Đơn xin chuyển trường và hoàn tất các thủ tục khác theo quy định của Nhà trường chậm nhất đến ngày 15/06 hàng năm để được áp dụng chính sách không thu các khoản phí đầu năm.

b. Đối với học phí, phí bán trú và tiền ăn:
+ Trường hợp học sinh đi học từ 05 ngày trở lên của tháng đó (bao gồm cả ngày nghỉ học có phép và/hoặc không phép): Nộp 100% học phí và phí bán trú.
+ Trường hợp học sinh đi học dưới 05 ngày của tháng đó (bao gồm cả ngày nghỉ học có phép và/hoặc không phép): Nộp 50% học phí và phí bán trú.
+ Tiền ăn được tính trên số ngày thực tế.

c. Phụ huynh cần hoàn thành tất cả các khoản phí theo quy định trước khi rút hồ sơ chuyển trường.
- Các khoản phí đầu năm đã đóng chỉ được hoàn trả trong trường hợp phụ huynh hoàn tất hồ sơ thủ tục xin chuyển trường theo quy định trước ngày 15/06 hàng năm. Nhà trường sẽ không hoàn trả đối với mọi trường hợp khác.

## QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THAY ĐỔI BIỂU PHÍ

a. Nhà trường không thay đổi biểu phí quá 02 lần trong 01 cấp học.

b. Mỗi lần thay đổi không điều chỉnh quá 10%.

## DANH MỤC ĐỒNG PHỤC VÀ TÚI NGỦ (DỰ KIẾN)

| TT | TÊN DANH MỤC | ĐVT | SỐ LƯỢNG |
|---|---|---|---|
| 1 | Áo sơ mi ngắn tay | Cái | 1 |
| 2 | Áo sơ mi dài tay | Cái | 1 |
| 3 | Quần dài nam/Váy xếp ly (THPT) | Cái | 1 |
| 4 | Quần dài nam/nữ | Cái | 1 |
| 5 | Áo khoác gió | Cái | 1 |
| 6 | Áo len Cadigan | Cái | 1 |
| 7 | Quần dài thể thao mùa đông | Cái | 1 |
| 8 | Bộ thể thao hè | Bộ | 1 |
| 9 | Áo hoodie (nỉ) | Cái | 1 |
| 10 | Áo polo | Cái | 1 |
| 11 | Bộ lễ phục + cà vạt | Bộ | 1 |
| 12 | Tất (10 đôi/set) | Set | 1 |
| 13 | Túi ngủ | Chiếc | 1 |
| 14 | Mũ | Chiếc | 1 |

## DANH MỤC HỌC PHẨM, HỌC LIỆU (DỰ KIẾN)

| TT | TÊN DANH MỤC | ĐVT | SỐ LƯỢNG |
|---|---|---|---|
| 1 | Vở 72 trang | Quyển | 10 |
| 2 | Vở 120 trang | Quyển | 10 |
| 3 | Giấy kiểm tra | Tập | 2 |
| 4 | Sách IELTS | Bộ | 1 |
| 5 | Sách 7 Thói quen hiệu quả cho bạn trẻ làm chủ cuộc sống | Quyển | 1 |
| 6 | Sách Tiếng Trung | Bộ | 1 |
| 7 | Tài liệu học tập nội bộ | Bộ | 1 |

# BẢNG PHÍ KHỐI 10 HỆ CHẤT LƯỢNG CAO NĂM HỌC 2026 - 2027

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | MỨC PHÍ (VNĐ) | QUY ĐỊNH THANH TOÁN |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Các khoản phí đầu năm** | | | |
| 1.1 | Phí xây dựng và phát triển trường | Năm | 3,000,000 | |
| 1.2 | Phí sử dụng ứng dụng nền tảng công nghệ | Năm | 2,000,000 | |
| 1.3 | Phí tài khoản Elsa | Năm | 1,200,000 | |
| 1.4 | Bảo hiểm | | | |
| a. | Bảo hiểm thân thể (Tự nguyện theo lựa chọn của PHHS) | Năm | 100,000 | |
| b. | Bảo hiểm y tế (Bắt buộc) | Năm | Theo quy định BHXH của Luật Bảo hiểm | |
| 1.5 | Đồng phục & Túi ngủ | Năm | Căn cứ vào giá nhà cung cấp vào đầu năm học | |
| 1.6 | Học phẩm, học liệu | Năm | | |
| **2** | **Các khoản phí theo tháng** | | | |
| 2.1 | Học phí | Tháng | 7,000,000 | |
| 2.2 | Bán trú | Tháng | 800,000 | |
| 2.3 | Tiền ăn (ăn trưa) | Ngày | 50,000 | |
| 2.4 | Xe bus (đưa đón từ thứ 2 đến thứ 6) | | | |
| a. | Tại nhà (hai chiều) | Tháng | 2,200,000 | |
| b. | Tại nhà (một chiều) | Tháng | 1,400,000 | |
| c. | Tại điểm (hai chiều) | Tháng | 1,600,000 | |
| d. | Tại điểm (một chiều) | Tháng | 1,000,000 | |

## QUY ĐỊNH VỀ CÁC HÌNH THỨC NỘP PHÍ VÀ THỜI GIAN HOÀN THÀNH PHÍ

a. Phụ huynh lựa chọn các hình thức nộp phí và thời gian hoàn thành như sau:

- Theo tháng: trước ngày mùng 5 hàng tháng
- Theo học kỳ: Kỳ I: Trước ngày 05/08 hàng năm | Kỳ II: trước ngày 05/01 hàng năm
- Theo năm: Trước ngày 10/08 hàng năm

b. Trường hợp nộp phí sau thời gian quy định đã được thông báo, phụ huynh sẽ phải đóng thêm tiền chậm nộp theo lãi suất 0,05%/ngày cho số tiền chưa thanh toán. Trường hợp chậm nộp quá 30 ngày, Nhà trường có quyền từ chối cung cấp các dịch vụ.

c. Các khoản phí đầu năm (phí xây dựng và phát triển trường, phí ứng dụng nền tảng công nghệ, tiền học phẩm học liệu,...): Nhà trường thu từ ngày 15/06 đến ngày 10/07 hàng năm.

d. Nhà trường thực hiện hoàn trả tiền ăn (đối với những ngày học sinh đăng ký nghỉ học đúng quy định) vào cuối mỗi học kỳ.

e. Trường hợp học sinh ngừng sử dụng dịch vụ đón trả bằng xe bus của trường, phụ huynh cần đăng ký tại Văn phòng trước ngày 20 tháng liền trước, phí dịch vụ xe bus được thu tròn tháng không phụ thuộc vào số ngày thực tế mà học sinh đi xe.

## QUY ĐỊNH VỀ MIỄN GIẢM

a. Phụ huynh nộp các khoản phí đầu năm và học phí cả năm trước ngày 10/08 hàng năm sẽ được hưởng mức học phí ưu đãi so với đóng từng tháng. Đối với năm học 2026-2027, mức ưu đãi được áp dụng 2.240.000 đồng/năm tính trên học phí

b. Gia đình có 2 con đăng ký đi xe bus của trường cả hai chiều đi - về
- Nếu 2 chiều tại điểm được giảm 10% cho con thứ 2
- Nếu 2 chiều tại nhà thì con thứ 2 được áp dụng mức phí 2 chiều tại điểm

c. Học sinh được nhận học bổng sẽ được xét duyệt theo quy định của Nhà trường, thông báo riêng theo từng thời điểm

d. Học sinh con Cán bộ giáo viên nhân viên được miễn giảm theo quy định riêng của Nhà trường

## QUY ĐỊNH VỀ XIN NGỪNG HỌC VÀ HOÀN TRẢ PHÍ

a. Đối với các khoản phí thu đầu năm (phí xây dựng và phát triển trường, phí ứng dụng nền tảng công nghệ, tiền học phẩm học liệu,...):
+ Không thu các khoản phí đầu năm đối với học sinh hoàn tất hồ sơ thủ tục xin chuyển trường theo quy định trước ngày 15/06 hàng năm.
+ Thu 100% các khoản phí đầu năm đối với học sinh hoàn tất hồ sơ thủ tục xin chuyển trường theo quy định từ ngày 15/06 hàng năm.
- Phụ huynh có trách nhiệm điền đầy đủ thông tin vào Đơn xin chuyển trường và hoàn tất các thủ tục khác theo quy định của Nhà trường chậm nhất đến ngày 15/06 hàng năm để được áp dụng chính sách không thu các khoản phí đầu năm.

b. Đối với học phí, phí bán trú và tiền ăn:
+ Trường hợp học sinh đi học từ 05 ngày trở lên của tháng đó (bao gồm cả ngày nghỉ học có phép và/hoặc không phép): Nộp 100% học phí và phí bán trú.
+ Trường hợp học sinh đi học dưới 05 ngày của tháng đó (bao gồm cả ngày nghỉ học có phép và/hoặc không phép): Nộp 50% học phí và phí bán trú.
+ Tiền ăn được tính trên số ngày thực tế.

c. Phụ huynh cần hoàn thành tất cả các khoản phí theo quy định trước khi rút hồ sơ chuyển trường.
- Các khoản phí đầu năm đã đóng chỉ được hoàn trả trong trường hợp phụ huynh hoàn tất hồ sơ thủ tục xin chuyển trường theo quy định trước ngày 15/06 hàng năm. Nhà trường sẽ không hoàn trả đối với mọi trường hợp khác.

## QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THAY ĐỔI BIỂU PHÍ

a. Nhà trường không thay đổi biểu phí quá 02 lần trong 01 cấp học.

b. Mỗi lần thay đổi không điều chỉnh quá 10%.

## DANH MỤC ĐỒNG PHỤC VÀ TÚI NGỦ (DỰ KIẾN)

| TT | TÊN DANH MỤC | ĐVT | SỐ LƯỢNG |
|---|---|---|---|
| 1 | Áo sơ mi ngắn tay | Cái | 1 |
| 2 | Áo sơ mi dài tay | Cái | 1 |
| 3 | Quần dài nam/Váy xếp ly (THPT) | Cái | 1 |
| 4 | Quần dài nam/nữ | Cái | 1 |
| 5 | Áo khoác gió | Cái | 1 |
| 6 | Áo len Cadigan | Cái | 1 |
| 7 | Quần dài thể thao mùa đông | Cái | 1 |
| 8 | Bộ thể thao hè | Bộ | 1 |
| 9 | Áo hoodie (nỉ) | Cái | 1 |
| 10 | Áo polo | Cái | 1 |
| 11 | Bộ lễ phục + cà vạt | Bộ | 1 |
| 12 | Tất (10 đôi/set) | Set | 1 |
| 13 | Túi ngủ | Chiếc | 1 |
| 14 | Mũ | Chiếc | 1 |

## DANH MỤC HỌC PHẨM, HỌC LIỆU (DỰ KIẾN)

| TT | TÊN DANH MỤC | ĐVT | SỐ LƯỢNG |
|---|---|---|---|
| 1 | Vở 72 trang | Quyển | 10 |
| 2 | Vở 120 trang | Quyển | 10 |
| 3 | Giấy kiểm tra | Tập | 2 |
| 4 | Sách IELTS | Bộ | 1 |
| 5 | Sách 7 Thói quen hiệu quả cho bạn trẻ làm chủ cuộc sống | Quyển | 1 |
| 6 | Sách Tiếng Trung | Bộ | 1 |
| 7 | Tài liệu học tập nội bộ | Bộ | 1 |